

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2023-2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH THEO
(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 264/PGDĐT-THCS ngày 27/9/2024 của phòng GD&ĐT Kiến An về việc: Công khai đối với các CSGD năm học 2024 – 2025. Trường THCS Kiến An đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

A. Báo cáo công khai thường niên:

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Tên trường: Trường THCS Đồng Hoà, Quận Kiến An, Tp Hải Phòng

Tên trước đây: Trường phổ thông cơ sở Đồng Hoà, Quận Kiến An, Tp Hải Phòng

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: 147, đường Đồng Hoà, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, Tp Hải Phòng.

Email: thcsdonghoa.hp@gmail.com

Website: <http://thcsdonghoa.haiphong.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND quận Kiến An, Tp Hải Phòng

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT Hải Phòng, Ủy ban nhân dân quận Kiến An, Phòng GD&ĐT quận Kiến An, Đảng ủy, UBND phường Đồng Hoà, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Đồng Hoà đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp ngày càng



phát triển, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường luôn đứng ở tốp đầu các trường THCS của quận Kiến An. Trường có nhiều năm đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc”. Năm 2006 nhà trường được UBND thành phố công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia; Năm 2012 nhà trường được Sở GD&ĐT Hải Phòng cấp giấy chứng nhận KĐCLGD cấp độ 3; nhà trường vinh dự được nhận nhiều giấy khen, bằng khen và nhiều hình thức khen thưởng khác trong những năm qua.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của phường Đồng Hoà, của quận Kiến An và Tp Hải Phòng.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Đồng Hoà được thành lập từ tháng 9 năm 1963 với tên gọi Trường cấp II Đồng Hoà. Những năm đầu thành lập, trường gồm có 3 lớp với 3 giáo viên và 100 học sinh. Năm 1977 trường phổ thông cấp 2 hợp nhất với trường phổ thông cấp 1 thành trường phổ thông cấp 1-2 sau đó đổi tên trường PTCS Đồng Hoà. Năm 1994 thực hiện quyết định của UBND quận Kiến An tách trường PTCS thành trường Tiểu học và THCS Đồng Hoà. Năm học 2023-2024, trường có 28 lớp với 54 cán bộ, giáo viên, công nhân viên và 1298 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: ông Lê Văn Hùng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 147, đường Đồng Hoà, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, Tp Hải Phòng Số điện thoại: 0868825159

Email: levanhungph@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND quận Kiến An nhiệm kỳ 2021- 2026 do Chủ tịch UBND quận Kiến An Nguyễn Trường Sơn ký. Hội đồng trường gồm 11 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Đồng chí Lê Văn Hùng làm chủ tịch Hội đồng- Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; Đồng chí Lê Thị Kim Hoa- Chi ủy viên, Phó hiệu trưởng làm phó chủ tịch hội đồng; Bà Phạm Thị Thuý Giang - Chủ tịch công đoàn nhà trường - phó chủ tịch Hội đồng; Đồng chí Phạm Thị Hồng làm thư kí Hội đồng.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Lê Văn Hùng

+ Ngày tháng năm sinh: 05/8/1977

+ Luân chuyển và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Đồng Hoà ngày 15/9/2021 theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND quận Kiến An.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 04 năm.

- Phó hiệu trưởng: Lê Thị Kim Hoa

+ Ngày tháng năm sinh: 05/01/1970

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Đồng Hoà vào ngày 01/06/2022 theo quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2022 của ủy ban nhân quận Kiến An.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 3 năm.

- Phó hiệu trưởng: Vũ Thị Thanh Thảo

+ Ngày tháng năm sinh: 25/07/1983



+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Đồng Hoà vào ngày 01/10/2023 theo quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của ủy ban nhân quận Kiến An.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 2 năm.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo)

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Số biên chế được UBND quận Kiến An giao năm 2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1
Phó Hiệu trưởng	2	2	0	0	1	1
Giáo viên	39	33	0	0	36	3
Nhân viên	3	3	0	0	3	0
Cộng	45	38	0	0	40	5

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Đồng Hoà năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số GV, CB, NV	45		5	38	1	1	0	21	24	0	45				
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	39		3	36	0	0		18	21		39				
1	Toán	11			11				5	6		11				
2	Vật lí	1			1				1			1				
3	Hóa học	2			1					1		1				
4	Sinh học	2			1					1		1				
5	Thể dục	1			1				1			1				
6	Tin học	1			1					1		1				
7	Công nghệ	1			1					1		1				
8	Ngữ văn	12		2	10				7	5		12				

9	Lịch sử	2		1			1		1		
10	Địa lí	1		1			1		1		
11	Tiếng Anh	4	1	3			1	3	4		
12	Mỹ thuật	1		1				1	1		
13	Âm nhạc	1		1			1		1		
14	GDCD	1		1				1	1		
15	Tổng PT	1		1			1		1		
II	Cán bộ QL	3	2	1				3	3		
1	Hiệu trưởng	1	1					1	1		
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1				2	2		
III	Nhân viên	3		1	1	1		3	3		
1	Thư viện	1		1				1	1		
2	Kế toán	1				1		1	1		
3	Thiết bị, thí nghiệm	1				1		1	1		

III. Cơ sở vật chất:

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Đồng Hoà năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	1,1 m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	1,1 m ² /Hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	4	1,1 m ² /Hs
7	Bình quân lớp/phòng học	0,6	
8	Bình quân học sinh/lớp	47	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3948	2,8 m ² /Hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2500	1,8 m ² /Hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	972	1,1 m ² /Hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	216	1,1 m ² /Hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	2	30 m ² /phòng
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	8	8 bộ/ 18 lớp

1.1	Khối lớp 6	2	2 bộ/ 7 lớp
1.2	Khối lớp 7	2	2 bộ/ 9 lớp
1.3	Khối lớp 8	2	2 bộ/ 7 lớp
1.4	Khối lớp 9	2	2 bộ/ 6 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	200 m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	22	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Đạt chuẩn
Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	6	x
2	Chưa đạt chuẩn VS*	0	0	
Nội dung		Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x		
XVII	Kết nối internet	x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x		
XIX	Tường rào xây	x		

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường THCS Đồng Hoà đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu

chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Đồng Hoà đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Đồng Hoà đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3

V. Kết quả hoạt động giáo dục:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Đồng Hoà, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS thuộc địa bàn phường Đồng Hoà, tổ	- HS thuộc địa bàn phường	- HS thuộc địa bàn	- HS thuộc địa bàn phường

		<p>Lê Duân, Trữ Khê 1,2 Quán Trữ Đủ 11 tuổi(sinh năm 2013,có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành chương trình Tiểu học).- Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22/2021/TTB GDĐT của Bộ Giáo dục.</p> <p>- HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.</p>	<p>Đồng Hoà, tổ Lê Duân, Trữ Khê 1,2 Quán Trữ đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021 /TTBGDDT của Bộ Giáo dục.</p> <p>- HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ, học bạ, chuyên trường</p>	<p>phường Đồng Hoà, tổ Lê Duân, Trữ Khê 1,2 Quán Trữ đảm bảo lên lớp đúng theo Thôngtr Số:22/2021/TTBGDĐT của Bộ Giáo dục.</p> <p>- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường</p>	<p>Đồng Hoà, tổ Lê Duân, Trữ Khê 1,2 Quán Trữ đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số:22/2021 /TTBGDDT của Bộ Giáo dục.</p> <p>- HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.</p>
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của BộGD&ĐT.</p> <p>- Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước</p> <p>- Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT.</p> <p>- Môn học đối với lớp 6,7,8,9: 12 môn;</p> <p>- Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống.</p>			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định của UBND quận Kiến An, hoạt động theo đúng điều lệ trường Trung học.</p> <p>- Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 4 thành viên, ban đại diện lớp có 2 thành viên.</p> <p>- Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường.</p> <p>- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy</p>			

		<p>đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.</p> <p>- Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.</p>			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy.</p> <p>- Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT.</p> <p>- Có 01 phòng tin học với 17 máy tính, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS.</p> <p>- Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi, máy tính.</p>			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>- Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: 98,77%</p> <p>- Học sinh có học lực khá, giỏi: 70,06%</p> <p>- Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường theo mùa, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.</p>			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<p>- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè)</p> <p>- Duy trì sĩ số 99%</p>	<p>- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè)-</p> <p>Duy trì sĩ số 99%</p>	<p>- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè)</p> <p>- Duy trì sĩ số 99%</p>	<p>- 100% được công nhận TN THCS.</p> <p>- Duy trì sĩ số 100%</p>

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Đồng Hoà năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	274				274
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	264 96,3				264 96,3
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	10 3,7				10 3,7

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1024	411	339	274	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	896 69,0	371 90,3	297 87,6	228 83,2	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	108 8,32	36 8,76	37 10,9	35 12,8	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	19 1,46	4 0,97	4 1,18	11 4,01	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,08		1 0,3		
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	274				274
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	103 37,6				103 37,6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	102 37,2				102 37,2
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	69 25,2				69 25,2
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1024	411	339	274	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	338 33,0	111 27,0	124 36,6	103 37,6	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	390 38,1	184 44,8	110 32,5	96 35,0	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	249 24,3	101 24,6	87 25,7	61 22,3	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	47 4,59	15 3,65	18 5,31	14 5,11	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1250 96,3	396 96,4	320 94,4	260 94,9	274 100
1.1	áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	103 37,6				103 37,6
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	102 37,2				102 37,2
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	61 5,96	11 2,68	36 10,6	14 5,11	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	274 26,8	99 24,1	87 25,7	88 32,1	
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	47 3,62	15 1,15	18 1,38	14 1,07	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	18 1,38	1 0,07	9 0,69	6 0,46	2 0,15
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	11 0,84		4 0,3	6 0,46	1 0,07
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,15			2 0,15	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	38	4	7	11	16
2	Cấp thành phố	24	4	10	4	6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2	1	1		
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	274				274
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	274				274
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	103 37,6				103 37,6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	102 37,2				102 37,2
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	69 25,2				69 25,2
VII	Số học sinh thi đỗ THPT Công lập (tỷ lệ so với tổng số)	195 71,16				195 71,16
VIII	Số học sinh nam/ số học sinh nữ	658/6 40	195/ 216	164/ 175	139/ 135	142/ 132
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	6		3	2	1

VI. Kết quả tài chính:

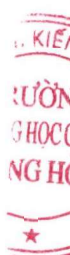
THÔNG BÁO Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ		

I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	367,624,000	
1.2	Mức thu 92.000 đồng/hs/tháng		
1.3	Tổng số thu trong năm	757,436,000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1,125,060,000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	1,125,060,000	
1.6	Số chi trong năm	1,125,060,000	
	Trong đó: Chi thực hiện nguồn cải cách tiền lương	1,125,060,000	
1.7	Số dư cuối năm	0	
1.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo		
	-Năm học 2023-2024: 92.000 đồng/hs/tháng		
	-Năm học 2024-2025: 92.000 đồng/hs/tháng		
II	Số thu sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1	Học thêm kỹ năng sống		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu 12.000 đồng/hs/tiết		
1.3	Tổng số thu trong năm	241,584,000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	241,584,000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	241,584,000	
1.6	Số chi trong năm	241,584,000	
1.7	Số dư cuối năm	0	
1.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo		
	-Năm học 2023-2024: 12.000 đồng/hs/tiết		
	-Năm học 2024-2025: 12.000 đồng/hs/tiết		
2	Học thêm tiếng Anh		
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.2	Mức thu 40.000 đồng/hs/tiết		
2.3	Tổng số thu trong năm	461,080,000	
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	461,080,000	
2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	461,080,000	
2.6	Số chi trong năm	461,080,000	
2.7	Số dư cuối năm	0	
2.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo		
	-Năm học 2023-2024: 40.000 đồng/hs/tiết		
	-Năm học 2024-2025: 40.000 đồng/hs/tiết		
3	Học thêm các môn văn hóa		
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
3.2	Mức thu 12.000 đồng/hs/tiết		
3.3	Tổng số thu trong năm	3,661,296,000	
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3,661,296,000	
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	3,661,296,000	
	Số chi trong năm	3,661,296,000	
3.7	Số dư cuối năm	0	

3.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo		
	-Năm học 2023-2024: 12.000 đồng/hs/tiết		
	-Năm học 2024-2025: 12.000 đồng/hs/tiết		
4	Trông xe		
4.1	Số dư năm trước chuyển sang		0
4.2	Mức thu Xe đạp: 30.000 đồng/hs/tháng; Xe điện: 50.000 đồng/hs/tháng;		
4.3	Tổng số thu trong năm		141,370,000
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		141,370,000
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước		141,370,000
4.6	Số chi trong năm		141,370,000
4.7	Số dư cuối năm		0
4.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo		
	-Năm học 2023-2024: Xe đạp: 30.000 đồng/hs/tháng; Xe điện: 50.000 đồng/hs/tháng;		
	-Năm học 2024-2025: Xe đạp: 30.000 đồng/hs/tháng; Xe điện: 50.000 đồng/hs/tháng;		
5	Nước uống cho học sinh		
5.1	Số dư năm trước chuyển sang		0
5.2	Mức thu 10.000đ/HS/tháng		
5.3	Tổng số thu trong năm		121,300,000
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		121,300,000
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước		121,300,000
5.6	Số chi trong năm		121,300,000
5.7	Số dư cuối năm		0
5.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo		
	-Năm học 2023-2024: 10.000đ/HS/tháng		
	-Năm học 2024-2025: 10.000đ/HS/tháng		
III	Số thu khác		
1	Lãi, phí tiền gửi		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		76,155
1.2	Mức thu: Không		
1.3	Tổng số thu trong năm		694,244
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		770,399
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước		770,399
1.6	Số chi trong năm		689,841
1.7	Số dư cuối năm		80,558
2	Vận động tài trợ		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		0
1.2	Mức thu: Không		
1.3	Tổng số thu trong năm		345,214,000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		345,214,000
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước		345,214,000
1.6	Số chi trong năm		345,214,000
1.7	Số dư cuối năm		0



 KIẾN

 LƯỜNG

 HỌC

 NG H

 ★

3	Quỹ đội		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	9,363,000	
1.2	Mức thu: 50.000đ/HS/năm		
1.3	Tổng số thu trong năm	64,250,000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	73,613,000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	73,613,000	
1.6	Số chi trong năm	67,622,000	
1.7	Số dư cuối năm	5,991,000	
IV	Khoản thu hộ		
1	BHYT+CSSKBD		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu: Không		
1.3	Tổng số thu trong năm	40,845,572	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	40,845,572	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	40,845,572	
1.6	Số chi trong năm	40,845,572	
1.7	Số dư cuối năm	0	
2	Báo đội		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu: 20.000đ/HS/tháng		
1.3	Tổng số thu trong năm	120,600,000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	120,600,000	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	120,600,000	
1.6	Số chi trong năm	120,600,000	
1.7	Số dư cuối năm	0	
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
1	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm	8,825,277,618	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	5,742,300,000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	3,082,977,618	
	+ Kinh phí giảm trong năm	0	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	8,825,277,618	
	- Kinh phí quyết toán	8,825,277,618	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0	
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	2,925,036,000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	0	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	2,925,036,000	
	+ Kinh phí tăng trong năm	0	

Vinh dự cho nhà trường có giải Nhất đầu tiên bộ môn văn hoá của học sinh Vũ Thảo Vy lớp 9A5 do cô Nguyễn Thị Thanh Toàn ôn tập. Đây là giải Nhất đầu tiên của nhà trường kể từ khi thành lập và là 1 trong 02 giải nhất của quận. THCS Đồng Hoà giải nhất môn Ngữ Văn, THCS Lương Khánh Thiện giải Nhất môn Lịch sử

- Kiểm tra toàn diện giáo viên 43 đ/c, kết quả: 37 đ/c xếp loại tốt, 06 đ/c xếp loại khá. Kiểm tra, đánh giá kế hoạch của giáo viên trên phần mềm quản lý chuyên môn đều thực hiện đúng quy định.

*** Tổ chức chuyên đề, tham gia thi GVG các cấp**

Trong năm học tổ chức được 15 chuyên đề các cấp (12 CĐ cấp trường, 02 CĐ cấp quận, 01 CĐ cấp TP), trong đó có 14 chuyên đề chuyên môn; 01 chuyên đề Đội. Tiêu biểu là các chuyên đề:

+ Chuyên đề cấp Quận môn tiếng Anh 8; Môn Trải nghiệm hướng nghiệp 8.

+ Chuyên đề Đội cấp thành phố chủ đề “Tự hào hoa thắm lửa” diễn ra vào dịp kỷ niệm 60 năm thành lập trường và 41 năm ngày nhà giáo Việt Nam.

B. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của UBND quận Kiến An.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT Quận Kiến An
- Lưu VP

HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Hùng